

PHỤ LỤC I

MẪU BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ
trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND XÃ CƯ JÚT TRƯỜNG MẪU GIÁO CƯ K'NIA BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên cơ sở giáo dục

Trường Mẫu Giáo Cư K'nia

Địa chỉ: Thôn 4 Cư K'nia, xã Cư Jút, tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 0343.130.288

Email: mgcuknia2019@gmail.com

Website: <https://c0cuknia.pgdcujut.edu.vn>

1.3. Loại hình cơ sở giáo dục

Trường Mẫu giáo công lập

1.4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu

Sứ mạng:

Tạo môi trường giáo dục an toàn, tràn đầy tình yêu thương; mỗi trẻ đều được chăm sóc chu đáo, được tôn trọng, được vui vẻ thể hiện bản thân.

Tạo dựng đội ngũ giáo viên đạo đức, giỏi chuyên môn – là người giữ trọng trách hướng dẫn, khuyến khích, thúc đẩy khả năng khám phá của trẻ; giúp trẻ hình thành tích cách tự lập, có bản lĩnh, suy nghĩ độc lập và biết cách ứng xử trong xã hội.

Luôn tạo dựng và gắn kết với phụ huynh mà ở đó gia đình sẽ đóng vai trò hỗ trợ đắc lực giúp giáo viên phát triển tối đa tiềm năng của trẻ.

Tầm nhìn:

Xây dựng nhà trường đạt chuẩn về việc chăm sóc giáo dục và phát triển tối đa những tố chất thông minh của trẻ ngay từ nhỏ.

Khuyến khích trí tò mò tìm hiểu thế giới xung quanh của trẻ sẽ giúp các con tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên, giúp các con có khả năng tư duy độc lập, phát triển về kiến thức lẫn nhân cách một cách toàn diện, đáp ứng nhu cầu và mong đợi ngày càng nâng cao của đông đảo phụ huynh trong và ngoài địa bàn, là sự lựa chọn đầu tiên cho

các bậc cha mẹ có con trong độ tuổi mầm non.

Mục tiêu:

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, phù hợp với yêu cầu đổi mới và hội nhập

Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trong những năm tiếp theo. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đạt hiệu quả cao.

1.5. Thông tin đại diện pháp luật

Họ và tên: Nguyễn Thị Kim Anh Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn 4 Cư k'nia, xã Cư Jút, tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 0343130288

Email: nguyenthikimanh1976@gmail.com.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

2.1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

Đội ngũ	T Số	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC
TSCBGV, NV	32	25	3		
1.CBQL	3	3			
- Hiệu trưởng	1	1			
- P Hiệu Trưởng	2	2			
2. Giáo viên	24	22	2		
3. Nhân viên	5	1	1		
- Y tế	1		1		
- Kế toán	1	1			
- Bảo vệ	1				
- Cấp dưỡng	2				

2.2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

TT	Nội dung	Năm học 2024 - 2025	Năm học 2025 -2026
1	CBQL		
	Số lượng	3	3
	Tỉ lệ	100%	100%
2	Giáo viên		
	Số lượng	24	24
	Tỉ lệ	100%	100%

2.3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định: 30 người đạt 100%.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	11	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	7	1,5 m ² /1trẻ em
2	Phòng học bán kiên cố	3	1,3 m ² /1trẻ em
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	1	1,3 m ² /1trẻ em

III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	5926m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	2.800	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	47	
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	0	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	6	
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	8	
5	<i>Diện tích phòng giáo dục thể chất (m²)</i>	0	
6	<i>Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m²)</i>	0	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	92	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	11	Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	10	

2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	3	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	6	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử đang được sử dụng phục vụ văn phòng (máy vi tính)	5	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)	58 bóng đèn, quạt trần 65, âm ly loa máy 02	Số thiết bị/nhóm (lớp)

Số lượng(m²)

XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	0		6 m ²		0.2 m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

4.1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

- Kết quả tự đánh giá

Trường Mẫu Giáo Cư Knia tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em

STT	Nội dung	Năm học 2024-2025				Năm học 2025-2026			
		Tổng số trẻ em	Mẫu giáo			Tổng số trẻ em	Mẫu giáo		
			3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi		3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em								
1	Số trẻ em nhóm ghép	30		8	22	36			36
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày								
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	332	58	11	163	346	57	134	158
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập								
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú, BT dân nuôi	287	58	104	125	285	51	86	90
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe								
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	332	58	111	163	346	57	134	155
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em					346	57	134	155
1	Số trẻ cân nặng bình thường	229	53	98	148	299	51	118	130
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	32	5	13	14	45	6	16	23

3	<i>Số trẻ có chiều cao bình thường</i>	316	55	108	153	307	55	114	138
4	<i>Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi</i>	16	3	3	10	39	2	20	17
5	<i>Số trẻ thừa cân béo phì</i>	1			1	2	0	0	2
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục								
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	x	x	x	x	x	x	x	x

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

- Thực hiện nghiêm đúng quy định về thu chi của bộ tài chính.
- Niêm yết và công khai của phòng kế toán.
- Chi lương và các chế độ kịp thời.

Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyet	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
2	3	4	5=4-3	6
Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	42,165	42,165	0	42,165
Số thu phí, lệ phí	42,165	42,165	0	
Lệ phí				
Học phí	42,165	42,165	0	
Lệ phí...				
Phí				
Phí ...				
Phí ...				
Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	843	843	0	843
Chi sự nghiệp giáo dục				
Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	843	843	0	
Tiền lương				
Phụ cấp lương				

Các khoản đóng góp				
Sửa chữa , duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.				
Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
Chi quản lý hành chính				
Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	843	843	0	843
Lệ phí	843	843	0	
Thuế TNDN	843	843	0	
Lệ phí...				
Phí				
Phí ...				
Phí ...				
Quyết toán chi ngân sách nhà nước				
Nguồn ngân sách trong nước	3,798,814	3,798,814		3,798,814
Chi quản lý hành chính				
Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>				
- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>				
- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>				
Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3,769,214	3,769,214		3,769,214
Tiền lương	1,714,084	1,714,084		
Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	69,592	69,592		
Phụ cấp lương	1,498,596	1,498,596		
Phúc lợi tập thể				
Các khoản đóng góp	453,782	453,782		
Các khoản thanh toán khác cho cá nhân				
Thanh toán dịch vụ công cộng	12,914	12,914		

Vật tư văn phòng	9,946	9,946		
Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	1,935	1,935		
Hội nghị				
Công tác phí	5,000	5,000		
Chi phí thuê mướn				
Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên				
Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	2,375	2,375		
Chi khác	990	990		
Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	29,600	29,600		29,600
Các khoản hỗ trợ khác	29,600	29,600		
Tài sản và thiết bị khác				
Mua bảo trì phần mềm công nghệ thông tin				

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

7.1. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non

Ban giám hiệu nhà trường tích cực chủ động nghiên cứu, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện đúng các văn bản chỉ đạo của cấp trên, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, nâng cao nhận thức, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp, bố trí công việc phù hợp với năng lực sở trường, đánh giá lựa chọn, giáo viên có đầy đủ phẩm chất đạo đức, năng lực sư phạm, nhiệt tình làm tổ trưởng tổ phó chuyên môn. Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá về thực hiện quy chế chuyên môn, hồ sơ sổ sách giáo viên, hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn, chăm lo đời sống, vật chất tinh thần cho giáo viên

Năm học 2025 – 2026 nhà trường có 2 giáo viên đang học nâng chuẩn đại học.

7.2. Thực hiện các kế hoạch, đề án

Nhà trường xác định rõ các mục tiêu đề án và lập kế hoạch, xác định các công việc cần thực hiện trong đề án và phân công cho các thành viên trong trường cùng thực hiện. Đến thời điểm hiện tại các kế hoạch, đề án của nhà trường thực hiện đúng tiến độ.

7.3. Công tác xã hội hóa và hội nhập quốc tế

Công tác xã hội hóa tại nhà trường đạt được kết quả khả quan vượt trội so với kết quả dự kiến. Nhà trường nhận được sự hỗ trợ tích cực từ phía địa phương, hội khuyến học xã, mạnh thường quân và phụ huynh học sinh hỗ trợ như: 350 suất quà cho các cháu nhân dịp thu, Công ty CP Đầu tư Giáo dục Talent ủng hộ bàn ghế, kệ đồ chơi, tủ đựng đồ dùng của bé 02 cái, 01 đồ chơi liên hoàn trong nhà, bồn vệ sinh..., bóng, tủ

đựng ly, xông nồi, máy xay nấu sữa hạt, ly, chén....

7.4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin

Nhà trường đang thực hiện chuyển đổi số trong công tác quản lý giáo dục.

Xây dựng kho tài liệu trực tuyến dùng chung.

Nhà trường áp dụng tốt các phần mềm như SSC, IMAS, phần mềm bảo hiểm xã hội, kê khai thuế, dịch vụ công, quản lý tài sản công, cơ sở dữ liệu ngành, phần mềm **Media quản lý trang web**.

Thực hiện tốt ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý hồ sơ và báo cáo. Cập nhật, thống kê và báo cáo đầy đủ theo quy định trên phần mềm.

Tiếp tục triển khai rà soát, hoàn thiện, cập nhật mã định danh của trẻ; hồ sơ trường, hồ sơ giáo viên trên cơ sở dữ liệu ngành theo đúng quy định.

Khai thác nguồn tài liệu, các ứng dụng, phần mềm để vận dụng vào tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ.

Nhà trường định hướng cho giáo viên ứng dụng các ứng dụng như pinterest (website chia sẻ ảnh dưới dạng mạng xã hội); powerpoint (phần mềm trình chiếu để truyền tải thông tin); trong thiết kế và hoạt động giáo dục cho trẻ.

7.5. Công tác truyền thông

Nhà trường có xây dựng kế hoạch truyền thông, ra quyết định phân công người phụ trách công tác truyền thông và thực hiện báo cáo theo yêu cầu của các cấp lãnh đạo.

Nhà trường đã đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục mầm non hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Tuyên truyền phổ biến kiến thức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ thông qua bảng tin tuyên truyền của trường, lớp, qua trang mạng xã, Zalo lớp.

Cư Jút, ngày 08 tháng 10 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Kim Anh